

Số: 144/2019/CV- SBSI

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (+84) 24 3377 6699 - Fax: (+84) 24 3373 6699
- Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Phương Thảo
Chức vụ: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ
- Loại thông tin công bố:
 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty.

Thông tin này chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17 tháng 04 năm 2019 tại đường dẫn: <http://sbsi.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2018.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Thị Phương Thảo

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

(Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 16/01/2008, Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-BBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2019)

- Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 3377.6699
- Fax: (84) 24 3373 6699
- Website: <http://sbsi.vn/>

Hà Nội, tháng 04 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

MỤC LỤC

<i>MỤC LỤC</i>	1
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển.....	10
5. Các rủi ro	11
II. Tình hình hoạt động trong năm	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2. Tổ chức và nhân sự	13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	16
4. Tình hình tài chính.....	16
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	17
6. Chính sách liên quan đến người lao động.....	18
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	19
2. Tình hình tài chính.....	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	20
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:.....	20
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	21
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	21
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	21
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	21
V. Quản trị công ty	22
1. Hội đồng quản trị	22
2. Ban Kiểm soát.....	23
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	24
VI. Báo cáo tài chính	25
1. Ý kiến kiểm toán:.....	25
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	25

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính năm 2018 của Công ty	12
Bảng 2: Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	13
Bảng 3: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2018.....	15
Bảng 4: Tình hình tài chính của Công ty năm 2017-2018.....	16
Bảng 5: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	17
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông.....	17
Bảng 7: Tình hình lao động của Công ty.....	18
Bảng 8: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty	22
Bảng 9: Số lượng cổ phần nắm giữ của các thành viên HĐQT	22
Bảng 10: Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại Công ty khác	22
Bảng 11: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	23
Bảng 12: Số lượng cổ phần nắm giữ của các thành viên BKS.....	24

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
- Tên tiếng Anh: Stanley Brothers Securities Incorporation
- Tên viết tắt: SBSI
- Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84) 24 3377.6699 Fax: (84) 24 3373 6699
- Ngày thành lập: 16/01/2008 theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.
- Ngày 31/01/2019: Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu chính thức đổi tên thành Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 08/GPĐC-BBCK ngày 31/01/2019 do UBCKNN cấp.
- Ngành nghề hoạt động: SBSI được phép thực hiện các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư Chứng khoán;
 - Tụ doanh chứng khoán.
- Vốn điều lệ: 339.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 339.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín tỷ đồng*)
- Website: <http://sbsi.vn/>
- Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 16/01/2008, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (tiền thân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers) được thành lập theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 83/UBCK-GP do UBCKNN cấp. Trụ sở chính Công ty được đặt tại Tầng 4A và Tầng 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty được phép thực hiện các nghiệp vụ chứng khoán và kinh doanh chứng khoán, bao gồm:

- Môi giới Chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư Chứng khoán.

Ngày 29/03/2017, Công ty Cổ phần Chứng Khoán Toàn Cầu đã chuyển Trụ sở thành công ra Tầng 15, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, khu đô thị mới N2, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo chấp thuận của UBCKNN tại Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 29/03/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK ngày 19/07/2017.

Ngày 31/01/2019, Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-BBCK ngày 31/01/2019 do UBCKNN cấp. Địa chỉ mới tại Tầng 9, tòa nhà

TNR, số 54A, Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 339 tỷ đồng. Đây được coi là bước tiến lớn trong hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo giá trị lớn ở những năm tiếp theo.

– **Tầm nhìn:** Trở thành một trong những định chế trung gian tài chính hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán và trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu về các ứng dụng công nghệ trong sản phẩm tài chính.

– **Sứ mệnh:** Xây dựng SBSI trở thành platform giao dịch với đầy đủ tiện ích, đáp ứng nhu cầu giao dịch, nhu cầu phân tích, nhu cầu thông tin một cách nhanh chóng, đơn giản.

– **Mục tiêu:** Sự hài lòng của khách hàng, sự tận tâm của nhân viên, lợi ích của cổ đông là những giá trị Công ty luôn theo đuổi.

– **Cam kết:** SBSI cam kết là người bạn đồng hành, luôn mang đến sự tin tưởng và là bộ phận cho khách hàng khi muốn vươn ra thị trường tài chính quốc tế. SBSI không ngừng nỗ lực để nâng cao môi trường làm việc và chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên và cộng đồng.

– **Giá trị cốt lõi:**

+ **Sáng tạo:** SBSI tích cực thay đổi, ứng dụng, công nghệ tiên tiến nhất trong phục vụ khách hàng, xây dựng văn hóa công ty và môi trường làm việc chuyên nghiệp, không ngừng học hỏi để đổi mới sáng tạo, phục vụ cho lợi ích khách hàng, cổ đông và xã hội

+ **Uy tín:** SBSI tạo nên sự tin tưởng tuyệt đối với khách hàng bằng cách xây dựng và thực hiện mọi hoạt động dựa trên sự minh bạch, trung thực, chuyên nghiệp và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp. Không một cá nhân nào quan trọng hơn hình ảnh và uy tín của Công ty.

+ **Hiệu quả:** SBSI tin tưởng vào sức mạnh tập thể là chìa khóa của hiệu quả công việc. Khuyến khích năng lực cá nhân, kết hợp và chuyên môn hóa đảm bảo hiệu quả về thời gian và chất lượng công việc. Đồng thời luôn luôn tiếp nhận phản hồi và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

– Hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

- + Môi giới chứng khoán;
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- + Tự doanh chứng khoán;
- + Lưu ký chứng khoán.

– **Địa bàn kinh doanh:** SBSI là công ty về dịch vụ, do đó, SBSI cung cấp dịch vụ đến các đối tác cả trong nước và nước ngoài.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

3.1. *Cơ cấu tổ chức Công ty*

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

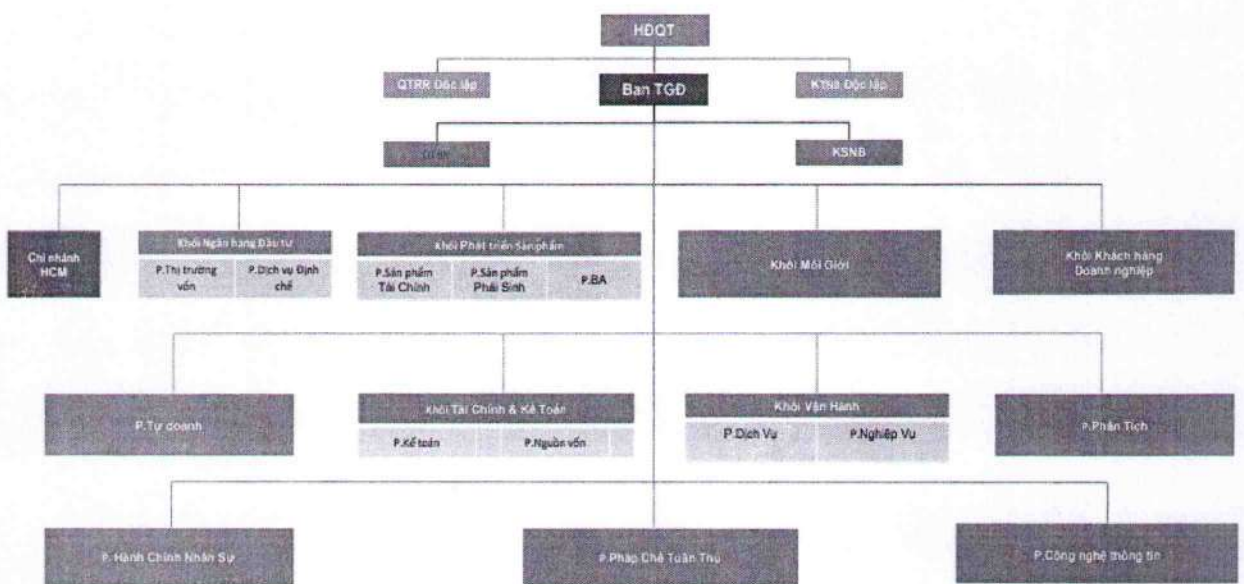
Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban.

Tại thời điểm 31/12/2018, cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 07 khối phòng ban:

- Phòng pháp chế tuân thủ
- Khối vận hành
- Khối phát triển sản phẩm
- Khối Tài chính kế toán
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Hành chính nhân sự

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Chứng khoán Stanley Brothers)

▪ **Hội đồng quản trị:**

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch, và các thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

▪ **Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

▪ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có chức năng thay mặt Đại hội

đồng cổ đông đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc theo đúng quy định trong điều lệ công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

▪ **Kiểm soát nội bộ**

- ✓ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- ✓ Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- ✓ Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- ✓ Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- ✓ Tách biệt tài sản của khách hàng;
- ✓ Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- ✓ Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- ✓ Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

▪ **Quản trị rủi ro**

- ✓ Xác định chính sách thực thi quản trị rủi ro;
- ✓ Xác định mức chấp thuận rủi ro của công ty;
- ✓ Xác định rủi ro của công ty;
- ✓ Đo lường rủi ro;
- ✓ Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro;
- ✓ Báo cáo thực thi quản trị rủi ro.

▪ **Kiểm toán nội bộ**

- ✓ Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội cổ đông, HĐQT;
- ✓ Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- ✓ Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- ✓ Tham mưu, thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

- ✓ Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- ✓ Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- ✓ Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- ✓ Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- ✓ Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- ✓ Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- ✓ Điều tra các phạm vi trong nội bộ công ty chứng khoán;
- ✓ Kiểm toán nội bộ công ty;

✚ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:**

▪ **Phòng pháp chế tuân thủ**

- ✓ Tham mưu về mặt pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ✓ Soạn thảo các loại văn bản (hợp đồng, mẫu biểu, quy trình, quy chế, quy định...) liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty.
- ✓ Phụ trách công tác công bố thông tin và đầu mối gửi các báo cáo cho các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- ✓ Thực hiện công tác Thư ký Hội đồng quản trị.

▪ **Khối vận hành:**

Phòng dịch vụ khách hàng:

- Thực hiện mở, đóng tài khoản giao dịch chứng khoán cho khách hàng Cung cấp và tư vấn sản phẩm/dịch vụ theo đúng nhu cầu/đối tượng khách hàng:
- ✓ Quản lý dịch vụ tài khoản khách hàng. Cung cấp dịch vụ mở tài khoản cho tất cả các loại hình khách hàng của công ty.
- ✓ Tư vấn đầy đủ các tính năng và hạn chế của các sản phẩm/dịch vụ
- ✓ Tư vấn và hỗ trợ khách hàng tiến hành các thủ tục khai báo theo đúng quy định của từng loại hình sản phẩm/dịch vụ
- ✓ Cung cấp sản phẩm theo yêu cầu khách hàng
- ✓ Cài đặt sản phẩm/dịch vụ theo đúng cam kết giữa Công ty với khách hàng SLA.
- ✓ Đề xuất các chính sách nhằm thuận lợi hóa quá trình giao dịch cho khách hàng, các chương trình chăm sóc khách hàng.
- Cung cấp sản phẩm, /dịch vụ sau khi bán:
- ✓ Tiếp nhận, xử lý yêu cầu thay đổi thông tin/dịch vụ của khách hàng

- ✓ Tiếp nhận xử lý tối đa thắc mắc, khiếu nại của khách hàng, chăm sóc khách hàng theo đúng quy trình, thời gian quy định của Công ty, đảm bảo theo đúng cam kết giữa Công ty với khách hàng., theo năng lực và kinh nghiệm đúng SLA cam kết
- ✓ Kết nối các bộ phận để đảm bảo xử lý triệt để các yêu cầu của khách hàng.
- ✓ Thực hiện nhận lệnh và đặt lệnh giao dịch qua các phương thức đặt lệnh theo đúng quy định của Công ty.
- ✓ Thực hiện đối chiếu kết quả giao dịch của Công ty và xử lý các phát sinh giao dịch.
- ✓ Thực hiện vận hành hệ thống, đảm bảo tính hợp lệ trong giao dịch trong ngày của khách hàng.
- ✓ Quản lý thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng. Phân khúc/phân loại khách hàng theo tiêu chí (KYC nhu cầu, khẩu vị rủi ro...)
- ✓ Giám sát tuân thủ và vận hành các quy trình dịch vụ khách hàng Tư vấn và giải đáp các thắc mắc liên quan đến tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng.

Phòng nghiệp vụ:

- ✓ Nhận gửi, rút, chuyển khoản, phong tỏa chứng khoán, thanh toán mua bán chứng khoán trên tài khoản của khách hàng và tài khoản tự doanh của Công ty.
- ✓ Tái lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
- ✓ Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán.
- ✓ Quản lý việc cầm cố, thế chấp chứng khoán của khách hàng.
- ✓ Thanh toán bù trừ chứng khoán với chi nhánh và Trung tâm lưu ký chứng khoán
- ✓ Thực hiện các hợp đồng lưu ký với khách hàng về cổ phiếu chưa niêm yết/giao dịch trên sàn, các chứng chỉ chứng khoán ghi sổ và chứng chỉ chứng khoán vật chất.
- ✓ Thực hiện nghiệp vụ liên quan trong các hợp đồng bán đấu giá, hợp đồng đại lý phát hành và các hợp đồng có liên quan khác.
- ✓ Xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ liên quan và hệ thống giao dịch liên quan.
- ✓ Vận hành các sản phẩm và cơ chế (cài đặt chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng, kiểm soát giao dịch...)

- ✓ Kiểm soát chứng từ giao dịch của khách hàng, thực hiện việc chấm các giao dịch trong ngày so với chứng từ gốc của các bộ phận liên quan
- ✓ Tiếp nhận, lưu trữ các chứng từ trên hệ thống và lưu trữ chứng từ gốc.
- ✓ Xây dựng các quy trình nghiệp vụ liên quan
- **Khởi phát triển sản phẩm**
 - ✓ Phát triển hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh
 - ✓ Phát triển các công cụ hỗ trợ phân tích và giao dịch chứng khoán phái sinh
 - ✓ Thu hút khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh và giao dịch tại Công ty
 - ✓ Thúc đẩy giao dịch và doanh thu phí giao dịch chứng khoán phái sinh sau khi Công ty được cấp phép và hệ thống đi vào hoạt động thông qua các chính sách về phí, marketing và các chính sách phát triển khách hàng khác.
- **Khởi kế toán, tài chính**
 - ✓ Tham mưu cho Giám đốc Tài chính và Tổng giám đốc về công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, luật kế toán và các quy định pháp luật hiện hành.
 - ✓ Tham mưu cho Giám đốc Tài chính và Tổng giám đốc về tổ chức công tác kế toán thống nhất toàn Công ty (bao gồm hội sở và các chi nhánh) và chế độ lưu trữ chứng từ kế toán theo pháp luật kế toán hiện hành.
 - ✓ Tham mưu cho Giám đốc Tài chính và Tổng giám đốc về công tác kiểm tra kiểm soát toàn bộ các khoản doanh thu, chi phí của Công ty.
- **Phòng công nghệ thông tin**
 - ✓ Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.
 - ✓ Xây dựng định hướng, chiến lược và phát triển CNTT để ứng dụng cho toàn bộ hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn phát triển.
 - ✓ Hỗ trợ các khối, phòng ban khác các vấn đề về kỹ thuật chuyên môn.
 - ✓ Tổ chức triển khai các hoạt động chuyên trách công nghệ thông tin của Công ty.
 - ✓ Thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống CNTT của Công ty đảm bảo tính liên tục và bảo mật.
- **Phòng Hành chính – Nhân sự**
 - ✓ Thực hiện công tác quản lý hành chính;

- ✓ Quản lý và theo dõi các trang thiết bị, phương tiện văn phòng của Công ty;
- ✓ Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo trật tự an toàn lao động của Công ty;
- ✓ Đảm bảo số lượng, chất lượng cho hoạt động kinh doanh của công ty bằng các biện pháp thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực;
- ✓ Tham mưu và phụ trách công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- ✓ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy định về hành chính, nhân sự của Công ty;
- ✓ Hỗ trợ các khối/phòng ban khác trong việc quản lý nhân sự, là cầu nối giữa Tổng giám đốc và người lao động trong Công ty

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

Không có

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty đã đặt ra mục tiêu kinh doanh của mình năm 2019 như sau:

Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	% tăng trưởng
Tổng doanh thu	Tỷ	21.489.549.501	45.000.000.000	109%
Môi giới	Tỷ	18.142.686.102	38.000.000.000	109%
Tư vấn tài chính doanh nghiệp	Tỷ	560.454.545	2.000.000.000	257%
Doanh thu khác	Tỷ	2.667.235.701	5.000.000.000	87%
Chi phí	Tỷ	11.936.432.905	25.000.000.000	109%
Lợi nhuận	Tỷ	7.623.755.792	20.000.000.000	162%

(Nguồn: SBSI)

- **Hoạt động môi giới**

Trong năm 2019, công ty sẽ đẩy mạnh bổ sung nhân sự môi giới để phát triển kinh doanh. Đồng thời, công ty tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm như phái sinh, tài chính cá nhân, trái phiếu..., dịch vụ mới nhằm hỗ trợ nhu cầu của khách hàng.

- **Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp**

Năm 2019, công ty xây dựng và chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ. Chú trọng việc đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn đảm bảo vững nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm triển khai mọi loại hình tư vấn với mức độ phức tạp cao.

M

- **Hoạt động chứng khoán phái sinh**

Năm 2019 công ty sẽ thực hiện tăng vốn lên 900-1000 tỷ để đủ điều kiện tham gia thị trường chứng khoán phái sinh, hiện công ty đã xây dựng bộ phận phát triển sản phẩm phái sinh và đã làm việc với bên cung cấp phần mềm hệ thống phái sinh.

- **Hoạt động phân tích**

Năm 2019, công ty đẩy mạnh bổ sung nhân sự phân tích tư vấn đầu tư nhằm hoàn thiện nâng cao chất lượng sản phẩm.

- **Tổ chức nhân sự**

Năm 2019, công ty sẽ hoàn thiện bộ máy nhân sự để hoàn thiện mục tiêu kế hoạch đề ra và theo đúng định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Về trung hạn:

✓ Là công ty môi giới chứng khoán có sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh trên thị trường;

✓ Là công ty chứng khoán có khả năng cung cấp trọn gói các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp;

✓ Tập trung vào hoạt động phân tích tài chính với đội ngũ phân tích giàu kinh nghiệm, có các sản phẩm phân tích được ưu chuộng trên thị trường Việt Nam.

Về dài hạn:

✓ Mang lại lợi nhuận cao và luôn tăng trưởng qua các năm;

✓ Trở thành một địa chỉ đầu tư uy tín của khách hàng;

✓ Trở thành công ty chứng khoán lớn, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường chứng khoán.

5. Các rủi ro

± Rủi ro kinh tế

– Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

– Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Thị trường chứng khoán mấy năm gần đây đã được phục hồi hơn tuy nhiên vẫn còn rủi ro biến động tỷ giá, hoạt động phát hành thêm của doanh nghiệp niêm yết hay kế hoạch thoái vốn ngoài ngành và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước gây áp lực nguồn cung tăng trên thị trường...

– Hội nhập kinh tế thế giới khiến cho cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các công ty kinh doanh chứng khoán nước ngoài có cả trình độ kinh nghiệm cũng như nguồn vốn dồi dào, gây khó khăn cho các công ty trong nước phải chia sẻ thị trường.

⚡ Rủi ro luật pháp

– Kinh doanh chứng khoán là một loại hình kinh doanh thương mại đặc biệt, vì vậy luôn mang tính rủi ro cao, được pháp luật riêng điều chỉnh. Các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán thường xuyên thay đổi, đòi hỏi các doanh nghiệp tham gia lĩnh vực này phải cập nhật một cách liên tục.

– Việc soạn thảo các hợp đồng môi giới, tư vấn không chặt chẽ cũng gây rủi ro cao cho công ty chứng khoán. Việc soạn thảo các hợp đồng với khách hàng của công ty chứng khoán cần dựa trên sự hiểu biết cao về pháp luật, tránh thực hiện hành vi bị pháp luật cấm.

– Nhân sự luôn là yếu tố quan trọng nhất đối với một công ty chứng khoán, vì vậy pháp luật quy định về điều kiện con người trong công ty chứng khoán cũng rất rõ ràng, Theo Luật chứng khoán, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các nhân viên môi giới chứng khoán phải có chứng chỉ hành nghề. Nếu việc kiểm soát đối với nhân sự không bài bản rất có thể công ty vi phạm quy định này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính năm 2018 của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Tổng doanh thu	25.927.758.300	19.854.556.689	(23,42%)
Tổng chi phí	18.470.825.223	11.699.841.780	(36,66%)
Lợi nhuận trước thuế	7.193.017.206	9.553.116.596	32,81%
Lợi nhuận sau thuế	6.709.530.172	7.623.755.792	13,63%

(Nguồn: SBSI)

Năm 2018 là một năm chịu nhiều tác động của thị trường thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Về hoạt động của SBSI có chuyển biến rõ nét, cụ thể như sau:

– Doanh thu của công ty là 19.854 triệu đồng giảm 23,42% so với năm 2017, tuy doanh thu giảm nhưng việc quản lý chi phí của công ty lại hiệu quả tốt hơn, chi phí

năm 2018 của công ty là 11.936 triệu đồng giảm 36,66% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế 9.553 triệu đồng

– Trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới là 18.143 triệu giảm 27,24% so với năm 2017

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Bảng 2: Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Phạm Đăng Trường	Tổng Giám đốc	26/11/2018
2	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng giám đốc	05/12/2018
3	Bà Đào Thị Thanh	Kế toán trưởng	12/09/2018

✚ Lý lịch thành viên Ban điều hành

PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước công dân: 001076021393 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/08/2018.
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: TT K84 255 Thụy Khuê, phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 507, Toà P2, Khu đô thị Nam Thăng Long Ciputra, Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc SBSI
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.695.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ.
- Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.695.000, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/11/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số chứng minh nhân dân: 011881562 do CA Hà Nội cấp ngày 19/08/2010 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4/21/168 Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 4/21/168 Nguyễn Xiển, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc SBSI
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.695.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

ĐÀO THỊ THANH

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 02/06/1974
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMTND : 011789107 do CA Hà Nội cấp ngày 18/09/2010
- Hộ khẩu thường trú : Tập thể 26B, Vân Hồ 2, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại : Phòng 1903B, tòa nhà Đại Kim, ngõ 2, Định Công Thượng, Hoàng

Mai, Hà Nội

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay ở công ty : Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2018, Ban điều hành của Công ty có sự thay đổi sau :

- + Ông Đỗ Trung Sơn thôi chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 31/8/2018
- + Ông Nguyễn Thế Minh được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 01/09/2018 và thôi chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 26/11/2018
- + Bà Giang Hồng Hạnh thôi chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 12/09/2018
- + Ông Phạm Đăng Trường được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc từ ngày 26/11/2018
- + Ông Nguyễn Tuấn Cường được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc từ ngày 05/12/2018
- + Bà Đào Thị Thanh được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng từ ngày 12/09/2018

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng 3: Cơ cấu lao động tại thời điểm 10/04/2019

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	38	100%
Đại học và trên đại học	36	95%
Cao đẳng	0	0%
Trung cấp	0	0%
Công nhân kỹ thuật	0	0%
Lao động phổ thông	2	5%
Phân loại theo giới tính	38	100%
Nam	15	39%
Nữ	23	61%

(Nguồn: SBSI)

✦ Chính sách lương thưởng

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Bảng 4: Tình hình tài chính của Công ty năm 2017-2018

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	43.382.498.809	345.593.762.418	696,6%
Doanh thu thuần	25.927.758.300	19.854.556.689	(23,42%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.503.990.807	8.366.797.642	11,5%
Lợi nhuận khác	(310.973.601)	1.186.318.954	481,49%
Lợi nhuận trước thuế	7.193.017.206	9.553.116.596	32,81%
Lợi nhuận sau thuế	6.709.530.172	7.623.755.792	13,63%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của SBSI)



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 5: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	2.88	83.77	
Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	2.88	83.77	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	30.98%	1.17%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44.89%	1.18%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ	Vòng	/	/	
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản BQ	Lần	0.595	0.102	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25.88%	38.40%	
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	28.94%	42.14%	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	25.24%	4.10%	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản BQ	%	15,40%	3.92%	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 33.900.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 30.400.000 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2018

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	21	33.900.000	100
1.1	Tổ chức	01	700.000	02
1.2	Cá nhân	20	33.200.000	98
2	Cổ đông nước ngoài	00	00	00
2.1	Tổ chức	00	00	00
2.2	Cá nhân	00	00	00
3	Cổ phiếu quỹ	00	00	00
Tổng Cộng		21	33.900.000	100

(Nguồn: SBSI)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2018, Công ty có sự biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau: Công ty thay đổi vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 339 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-BBCK ngày 31/01/2019 do UBCKNN cấp.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng 7: Tình hình lao động của Công ty

Năm	2017	2018
Lao động bình quân (người)	19	28
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	7,4	16,2

(Nguồn: SBSI)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 Thời gian làm việc: 8h/ngày, từ thứ 2 tới thứ 6, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Điều kiện làm việc: Tại công ty, người lao động được đảm bảo về cơ sở vật chất

phục vụ cho công việc. Công ty có trụ sở làm việc rộng rãi, thoáng mát, hiện đại với hệ thống bàn làm việc, hệ thống máy tính được kết nối internet, hệ thống điều hòa và quạt thông gió hoạt động liên tục.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin.

– Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

STT	PHÒNG BAN	SỐ GIỜ ĐÀO TẠO TB/NHÂN VIÊN/NĂM
1	Phòng dịch vụ chứng khoán	40
2	Phòng tư vấn, môi giới	80
3	Phòng CNTT	80
4	Phòng tài chính kế toán	56
5	Phòng Hành chính	40

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018 là một năm chịu nhiều tác động của thị trường thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Về hoạt động của SBSI có chuyển biến rõ nét, cụ thể như sau: Doanh thu của công ty là 19.854 triệu đồng giảm 23,42% so với năm 2017, lợi nhuận trước thuế 9.553 triệu đồng. Trong đó doanh thu từ hoạt động môi giới là 18.143 triệu đồng giảm 27.24 %so với năm 2017.

2. *Tình hình tài chính*

a) *Tình hình tài sản*

Do năm 2018 Công ty tăng vốn điều lên 339 tỷ đồng nên có sự thay đổi lớn về tổng tài sản của Công ty năm 2018 so với năm 2017. Tổng tài sản của Công ty năm 2018 là 345.593.762.418 gấp gần 8 lần tổng tài sản của công ty năm 2017.

Cơ cấu tài sản của Công ty năm 2018 nhìn chung không thay đổi quá lớn, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản. Năm 2017, tài sản ngắn hạn chiếm 89,23%, đến năm 2018 tài sản ngắn hạn chiếm 97,66% trên tổng tài sản. Tài sản dài hạn năm 2017 chiếm 10,77% trong khi đó tài sản dài hạn năm 2018 chiếm 2,34%.

b) *Tình hình nợ phải trả*

Nợ phải trả năm 2018 có sự biến động rất lớn so với năm 2017. Năm 2018 nợ phải trả giảm 3,34 lần so với năm 2017 và chỉ có nợ ngắn hạn. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn cũng biến động lớn. Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn năm 2018 là 1,17% còn tỷ lệ nợ phải trả trong tổng tài sản năm 2017 là 30,98%. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tăng từ 69,02% lên 98,83%. Có sự biến động lớn như vậy là do trong năm 2018 Công ty nâng vốn điều lệ lên 339 tỷ đồng dẫn đến Vốn chủ sở hữu tăng cao so với năm 2017.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Hiện nay, Ban Giám đốc gồm 3 thành viên, bên dưới có các phòng ban chức năng với nhiệm vụ công việc cụ thể có sự giám sát và điều hành sát sao của đội ngũ quản lý cấp trung. Chính sách của Công ty đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp Công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của Công ty.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

- Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty.
- Nâng cao trình độ nhân sự trong Công ty nhất là nhân sự mảng tư vấn và môi giới, tạo niềm tin nơi khách hàng.
- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch và mục tiêu kinh doanh, chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ kinh doanh và đầu tư.

- Xây dựng chế độ tiền lương, tiền thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng trong công việc.

5. *Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có*

Lí do: Kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần nội dung Báo cáo tài chính năm 2018 và không có ý kiến loại trừ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.

- Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, ban hành nghị quyết/quyết định liên quan để chỉ đạo thực hiện các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:*

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo chấp hành đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:*

Năm 2019 được dự báo là năm có nhiều biến động, kết quả của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ Trung chưa rõ kết quả dẫn đến thị trường chứng khoán sẽ bị ảnh hưởng, tuy vậy cũng có những chuyển biến tích cực. Với những thuận lợi và khó khăn mà Công ty sẽ phải đối mặt trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo cụ thể như sau:

- Nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên chất lượng, giỏi về nghiệp vụ, tốt về đạo đức nghề nghiệp.
- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của SBSI tính đến ngày 31/12/2018 có 04 (bốn) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng 8: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty tính đến 31/12/2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Quách Mạnh Hồng	Chủ tịch HĐQT	02/08/2018
2	Ông Phạm Đăng Trường	Thành viên HĐQT	02/08/2018
3	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên HĐQT	02/08/2018
4	Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên HĐQT	02/08/2018

(Nguồn: SBSI)

Bảng 9: Số lượng cổ phần nắm giữ của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Tổng số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Ông Quách Mạnh Hồng	0	0%
2	Ông Phạm Đăng Trường	1.695.000	5%
3	Ông Nguyễn Tuấn Cường	1.695.000	5%
4	Ông Nguyễn Thế Minh	0	0%

(Nguồn: SBSI)

Bảng 10: Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại Công ty khác

cm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại Công ty khác
1	Ông Quách Mạnh Hồng	Chủ tịch HĐQT – TV quản trị không điều hành	00
2	Ông Phạm Đăng Trường	Thành viên HĐQT – TV quản trị điều hành	00
3	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên HĐQT – TV quản trị điều hành	00
4	Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên HĐQT – TV quản trị không điều hành	01

(Nguồn: SBSI)

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Các cuộc họp HĐQT đã diễn ra dưới hình thức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định PL và của công ty, đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra ổn định
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty tính đến ngày 31/12/2018 có 3 thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng 11: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Phí Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Đinh Thị Lan Anh	Kiểm soát viên
3	Bà Giang Thị Mai Hoa	Kiểm soát viên

(Nguồn: SBSI)



Bảng 12: Số lượng cổ phần nắm giữ của các thành viên BKS

STT	Họ và tên	Tổng số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	Bà Phí Thị Thu Hà	0	0%
2	Bà Đinh Thị Lan Anh	0	00%
3	Bà Giang Thị Mai Hoa	0	00%

(Nguồn: SBSI)

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc năm 2018. Cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD trong năm 2018;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của Công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018 đối với HĐQT và BGD;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Hội đồng quản trị: Không có thù lao, tiền lương thưởng
- Ban kiểm soát: Không có thù lao, tiền lương thưởng
- Ban Tổng Giám đốc: Trong năm thu nhập của Ban Tổng Giám đốc chỉ gồm tiền lương, không có các khoản tiền thưởng và khoản khác. Tổng tiền lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm là 2.124.516.857 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm mười sáu nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng)

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2018 không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2018 không phát sinh.

d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo kiểm toán độc lập, báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính: <http://sbsi.vn/vi-vn/ve-sbsi/bai-viet/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/E23>

CÔNG TY CPCK STANLEY BROTHERS
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Handwritten signature
NGUYỄN QUANG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10 - 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tên trước ngày 31 tháng 01 năm 2019 là Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Bà Nguyễn Thị Ánh	Chủ tịch	02/3/2017	02/8/2018
Ông Nguyễn Đức Thuận	Phó Chủ tịch	02/3/2017	02/8/2018
Ông Quách Mạnh Hồng	Chủ tịch	02/8/2018	
Ông Phạm Đăng Trường	Thành viên	02/8/2018	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Thành viên	02/8/2018	
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	02/8/2018	
Ông Đỗ Trung Sơn	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Ông Trần Đức Chiến	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Trần Đức Minh	Trưởng ban	02/3/2017	02/8/2018
Bà Nguyễn Thị Ánh	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Bà Trần Thị Tâm	Thành viên	02/3/2017	02/8/2018
Bà Phí Thị Thu Hà	Trưởng ban	02/8/2018	
Bà Đinh Thị Lan Anh	Thành viên	02/8/2018	
Bà Giang Thị Mai Hoa	Thành viên	02/8/2018	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Đỗ Trung Sơn	Tổng Giám đốc	02/3/2017	31/8/2018
Ông Phạm Đăng Trường	Tổng Giám đốc	26/11/2018	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng giám đốc	02/8/2018	
Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	01/9/2018	26/11/2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 37 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

NGÔ MINH LẬP - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3567-2017-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		337.518.980.095	38.713.309.967
I. Tài sản tài chính	110		320.250.742.493	38.569.193.327
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		288.515.953.043	6.337.763.131
1.1. Tiền	111.1	V.1	288.515.953.043	6.337.763.131
2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.2a	5.400.000.000	-
3. Các khoản cho vay	114	V.2b	23.622.002.973	-
4. Các khoản phải thu	117		66.175.893	5.376.833
4.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.3a	66.175.893	5.376.833
4.1.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	5.376.833
4.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		66.175.893	-
5. Trả trước cho người bán	118	V.3b	2.291.673.886	9.000.000.000
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.3c	189.846.364	6.626.114
7. Các khoản phải thu khác	122	V.3d	165.090.334	24.170.877.715
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.4	-	(951.450.466)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		17.268.237.602	144.116.640
1. Tạm ứng	131	V.5	17.239.178.875	3.300.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6a	29.058.727	140.816.640
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		8.074.782.323	4.669.188.842
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.273.196.299	2.766.395.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	358.814.619	531.743.050
- Nguyên giá	222		5.787.106.927	5.787.106.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.428.292.308)	(5.255.363.877)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	4.914.381.680	2.234.652.006
- Nguyên giá	228		6.888.000.520	3.660.280.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(1.973.618.840)	(1.425.628.514)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		2.801.586.024	1.902.793.786
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9	1.351.278.554	247.795.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6b	553.660.760	766.883.517
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.10	896.646.710	888.115.269
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		345.593.762.418	43.382.498.809

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		4.029.043.189	13.441.535.372
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.029.043.189	13.441.535.372
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		-	4.689.160.000
1.1. <i>Vay ngắn hạn</i>	312	V.11	-	4.689.160.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	1.104.112.495
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		9.308.971	195.603.275
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		216.500.000	101.611.422
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.12	2.319.161.723	697.355.316
6. Phải trả người lao động	323		630.236.472	181.676.266
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	56.846.812
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.13	853.836.023	1.370.962.398
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		-	5.044.207.388
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		341.564.719.229	29.940.963.437
I. Vốn chủ sở hữu	410		341.564.719.229	29.940.963.437
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	339.000.000.000	35.000.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		339.000.000.000	35.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a		339.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.15	2.564.719.229	(5.059.036.563)
2.1. <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	417.1		2.564.719.229	(5.059.036.563)
2.2. <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		345.593.762.418	43.382.498.809

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.14	33.900.000	3.500.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.17a	1.890.875.190.000	869.101.961.620
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		1.185.303.600.000	115.014.612.220
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		15.501.330.000	4.890.000.000
<i>c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		668.181.760.000	748.887.174.400
<i>d. Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		21.888.500.000	310.175.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.17b	26.075.360.000	-
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		26.075.360.000	-
3. Tiền gửi của khách hàng	026	V.17c	58.837.745.950	3.672.708.443
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027		58.837.745.950	3.672.708.443
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.17d	58.837.745.950	3.672.708.443
4.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		58.745.139.440	3.501.720.776
4.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2			
			<u>92.606.510</u>	<u>170.987.667</u>

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
Tổng Giám đốc

ĐÀO THỊ THANH
Kế toán trưởng

BÙI THỊ VIỆT HÀ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**MẪU B02-CTCK**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	V.1	119.173.153	-
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.1	96.104.205	-
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	V.2	18.142.686.102	23.084.807.807
1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	V.2	-	2.082.000.000
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	V.2	936.138.684	760.950.493
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	V.2	560.454.545	-
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		19.854.556.689	25.927.758.300
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay	24		(951.450.466)	223.111.074
2.2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		3.994.762.491	11.758.773.547
2.3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		893.942.272	-
2.4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		382.937.459	-
2.5. Chi phí các dịch vụ khác	32		101.411.546	375.941.808
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40	VI.2	4.421.603.302	12.357.826.429
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.3	212.082.733	57.057.730
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		212.082.733	57.057.730
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60	VI.4	-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4	7.278.238.478	6.122.998.794
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		8.366.797.642	7.503.990.807
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		1.422.910.079	3.074.564
8.2. Chi phí khác	72		236.591.125	314.048.165
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.5	1.186.318.954	(310.973.601)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90	VI.6	9.553.116.596	7.193.017.206
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		9.553.116.596	7.193.017.206
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VI.6	1.929.360.804	483.487.034
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		1.929.360.804	483.487.034
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		7.623.755.792	6.709.530.172
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.7a	1.760	1.917
13.2. Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.7b	1.760	1.917

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019

**PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG**
Tổng Giám đốc**ĐÀO THỊ THANH**
Kế toán trưởng**BÙI THỊ VIỆT HÀ**
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B03-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		9.553.116.596	7.193.017.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(508.790.335)	1.017.647.161
- Khấu hao TSCĐ	03		720.918.757	851.593.817
- Các khoản dự phòng	04		(951.450.466)	223.111.074
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(212.082.733)	(57.057.730)
- Dự thu tiền lãi	08		(66.175.893)	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		-	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(23.161.339.082)	13.415.134.823
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(5.400.000.000)	-
- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(23.622.002.973)	-
- (Tăng) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		5.376.833	(5.376.833)
- (Tăng) giảm các khoản phải thu khác	39		(68.331.672)	89.770.153
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		24.005.787.381	12.123.735.181
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(17.244.410.316)	6.072.398.616
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(517.126.375)	(49.414.069)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		324.980.670	(907.700.157)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(983.487.034)	-
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		7.505.518.844	(8.992.008.724)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp)	47		(56.846.812)	54.635.626
- Tăng (giảm) phải trả cho người lao động	48		(307.554.397)	158.310.467
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	49		448.560.206	175.269.450
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(6.148.319.883)	4.943.310.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		<u>(1.103.483.554)</u>	<u>(247.795.000)</u>
			(14.117.012.821)	21.625.799.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(3.227.720.000)	(2.586.540.000)
2. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	65		212.082.733	57.057.730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		<u>(3.015.637.267)</u>	<u>(2.529.482.270)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		304.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(4.689.160.000)	(12.910.840.000)
Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(4.689.160.000)	(12.910.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		<u>299.310.840.000</u>	<u>(12.910.840.000)</u>
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	90		282.178.189.912	6.185.476.920
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	6.337.763.131	152.286.211
Tiền	101.1		6.337.763.131	152.286.211
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	288.515.953.043	6.337.763.131
Tiền	103.1		<u>288.515.953.043</u>	<u>6.337.763.131</u>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		2.409.612.507.424	68.820.215.200
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(2.740.327.716.508)	(69.136.281.400)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		1.220.340.328.734	73.624.488.716
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(834.263.650.203)	(72.734.216.428)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(196.431.940)	(8.579.566)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		55.165.037.507	565.626.522
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	V.14b	3.672.708.443	3.107.081.921
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		3.672.708.443	3.107.081.921
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		3.672.708.443	3.107.081.921
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	V.14b	58.837.745.950	3.672.708.443
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		58.837.745.950	3.672.708.443
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		58.837.745.950	3.672.708.443

Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019


PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
 Tổng Giám đốc

ĐÀO THỊ THANH
 Kế toán trưởng

BÙI THỊ VIỆT HÀ
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B04-CTCK


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
		01/01/2017	01/01/2018	Năm 2017		Năm 2018		31/12/2017	31/12/2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.13	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	304.000.000.000	-	35.000.000.000	339.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	304.000.000.000	-	35.000.000.000	339.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	V.14	(11.768.566.735)	(5.059.036.563)	6.709.530.172	-	7.623.755.792	-	(5.059.036.563)	2.564.719.229
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)		(11.768.566.735)	(5.059.036.563)	6.709.530.172	-	7.623.755.792	-	(5.059.036.563)	2.564.719.229
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		23.231.433.265	29.940.963.437	6.709.530.172	-	311.623.755.792	-	29.940.963.437	341.564.719.229
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-


Thành phố Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019



PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
Tổng Giám đốc



ĐÀO THỊ THANH
Kế toán trưởng



BÙI THỊ VIỆT HÀ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-CTCK

I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers tên trước ngày 31 tháng 01 năm 2019 là Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định thay đổi như sau:

- Quyết định số 30/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ tại Số 111 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Quyết định số 357/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 5 và 6 Tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2010, chuẩn y việc chấm dứt hoạt động của Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ.
 - Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2013, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Quyết định số 11/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ánh, Chủ tịch HĐQT và chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về Tầng 15- Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 Khu Đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
 - Quyết định số 29/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 7 năm 2017, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 15- Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 1 đường Hoàng Đạo Thúy (Lô C1 Khu Đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính), Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội đến Tầng 15 - Tòa nhà Diamond Flower địa chỉ số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;
 - Quyết định số 79/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thế Minh, Tổng Giám đốc;
 - Quyết định số 108/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Đăng Trường, Tổng Giám đốc.
- **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND
 - **Vốn điều lệ** : 35.000.000.000 VND

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: (84-024) 3377 6699
Fax	: (84-024) 222 3070
Mã số thuế	: 0 3 0 5 4 5 3 7 8 0

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 22 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phái sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, các khoản ứng trước cho nhà cung cấp, là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục "Chi phí hoạt động".

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	6 - 8

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm máy tính, phần mềm kế toán, phần mềm chứng khoán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính, phần mềm kế toán, phần mềm chứng khoán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận đã thực hiện.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán CCDC; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

11. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

12. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt tại quỹ	387.068.676	6.266.122.740
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	288.128.884.367	71.640.391
Cộng	<u>288.515.953.043</u>	<u>6.337.763.131</u>

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</u>
Của Nhà đầu tư		
Cổ phiếu	<u>410.783.835</u>	<u>5.787.365.715.200</u>
Cộng	<u>410.783.835</u>	<u>5.787.365.715.200</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các tài sản tài chính

	31/12/2018	31/12/2017
a) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.400.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng BIDV	5.400.000.000	-
b) Các khoản cho vay	23.622.002.973	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	23.622.002.973	-
Cộng	29.022.002.973	-

3. Các khoản phải thu

a) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	66.175.893	5.376.833
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	5.376.833
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	66.175.893	-
b) Trả trước cho người bán	2.291.673.886	9.000.000.000
Công ty TNHH Kiến Tạo và Kiệt Tác	2.149.708.588	-
Công ty Cổ phần quản lý đầu tư Hasco Capital	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và DV Hà Nội	-	4.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	141.965.298	-
c) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	189.846.364	6.626.114
Phí môi giới chứng khoán	69.413.752	-
Phí lưu ký của Nhà đầu tư	120.432.612	-
Ông Võ Hoàng Nam	-	4.541.129
Trường Đại học Tân Tạo	-	2.084.985
d) Các khoản phải thu khác	165.090.334	24.170.877.715
<i>Các khoản ứng trước</i>	<i>165.090.334</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	59.490.334	-
Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn	3.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý BĐS TNS PROPERTY	100.000.000	-
Công ty Cổ phần DV TM và Sàn BĐS Handico	2.600.000	-
<i>Các khoản phải thu hỗ trợ mua chứng khoán</i>	<i>-</i>	<i>24.170.877.715</i>
Ông Tạ Duy Toàn	-	14.130.856.586
Bà Nguyễn Thị Kê	-	5.440.623.270
Ông Võ Quang Hiếu	-	3.171.501.552
Bà Dương Quỳnh Anh	-	1.427.896.307
<i>Trong đó, các khoản phải thu khác khó đòi (xem Thuyết minh số V.5)</i>	<i>-</i>	<i>3.171.501.552</i>
Cộng	2.712.786.477	33.182.880.662

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	31/12/2018			31/12/2017	
			01/1/2018	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ		31/12/2018
Dự phòng các khoản phải thu khác	-	V.4d	951.450.466	-	951.450.466	-	951.450.466
Ông Võ Quang Hiếu	-		951.450.466	-	951.450.466	-	951.450.466
Cộng	-		951.450.466	-	951.450.466	-	951.450.466

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tạm ứng nhân viên	17.239.178.875	3.300.000
Cộng	<u>17.239.178.875</u>	<u>3.300.000</u>

6. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	29.058.727	140.816.640
Chi phí thuê văn phòng	14.914.534	140.816.640
Các chi phí khác	14.144.193	-
b) Dài hạn	553.660.760	766.883.517
Phí sử dụng thiết bị, quản lý	48.628.734	155.959.230
Chi phí công cụ, dụng cụ	505.032.026	610.924.287
Cộng	<u>582.719.487</u>	<u>907.700.157</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
01/01/2018	5.598.112.936	188.993.991	5.787.106.927
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	<u>5.598.112.936</u>	<u>188.993.991</u>	<u>5.787.106.927</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	5.066.369.886	188.993.991	5.255.363.877
Tăng trong năm	172.928.431	-	172.928.431
<i>Khấu hao trong năm</i>	172.928.431	-	172.928.431
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	<u>5.239.298.317</u>	<u>188.993.991</u>	<u>5.428.292.308</u>
Giá trị còn lại			
01/01/2018	531.743.050	-	531.743.050
31/12/2018	<u>358.814.619</u>	<u>-</u>	<u>358.814.619</u>
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
01/01/2018	348.160.332	188.993.991	537.154.323
31/12/2018	<u>5.042.384.932</u>	<u>188.993.991</u>	<u>5.231.378.923</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính/ Phần mềm kế toán	Phần mềm chứng khoán	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2018	459.355.520	3.200.925.000	3.660.280.520
Tăng trong năm	172.720.000	3.055.000.000	3.227.720.000
<i>Mua sắm mới</i>	172.720.000	3.055.000.000	3.227.720.000
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	632.075.520	6.255.925.000	6.888.000.520
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	447.871.642	977.756.872	1.425.628.514
Tăng trong năm	15.897.832	532.092.494	547.990.326
<i>Khấu hao trong năm</i>	15.897.832	532.092.494	547.990.326
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	463.769.476	1.509.849.364	1.973.618.840
Giá trị còn lại			
01/01/2018	11.483.878	2.223.168.128	2.234.652.006
31/12/2018	168.306.044	4.746.075.636	4.914.381.680
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
01/01/2018	-	-	-
31/12/2018	459.355.520	-	459.355.520

9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Đặt cọc phí dịch vụ Brand name	-	2.000.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng tại thành phố Hà Nội	245.795.000	245.795.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng mới tại thành phố Hà Nội	1.105.483.554	-
Cộng	1.351.278.554	247.795.000

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp ban đầu	853.279.489	882.981.886
Tiền nộp bổ sung hàng năm	-	48.616.932
Tiền lãi phân bổ hàng năm	43.367.221	(43.483.549)
Cộng	896.646.710	888.115.269

11. Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh	-	4.689.160.000
Cộng	-	4.689.160.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	201.344.770	(38.136.078)	121.990.469	41.218.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	483.487.034	1.929.360.804	983.487.034	1.429.360.804
Thuế thu nhập cá nhân	12.523.512	2.994.773.136	2.158.713.952	848.582.696
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
Cộng	697.355.316	4.888.997.862	3.267.191.455	2.319.161.723

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

+ Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT

+ Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo qui định hiện hành.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Chi phí lãi vay	-	1.289.817.103
Chi phí kiểm toán	27.500.000	30.250.000
Chi phí hoạt động	826.336.023	50.895.295
Cộng	853.836.023	1.370.962.398

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy phép hoạt động, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND. Trong năm, vốn góp của chủ sở hữu được tăng lên từ 35.000.000.000 VND lên 339.000.000.000 VND với chi tiết cổ đông góp vốn thay đổi như sau:

Tên cổ đông	01/01/2018			Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2018		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần			Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
Công ty Đầu tư - Tin học và Tư vấn Xây dựng Phương Nam	700.000	20,00%	7.000.000.000	-	-	700.000	2,06%	7.000.000.000
Ông Trần Đức Chiến	178.500	5,10%	1.785.000.000	-	(1.785.000.000)	-	0,00%	-
Ông Đỗ Trung Sơn	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Ông Nguyễn Hải Minh	339.500	9,70%	3.395.000.000	-	(3.395.000.000)	-	0,00%	-
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Hasco Capital	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hasco	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	203.000	5,80%	2.030.000.000	-	(2.030.000.000)	-	0,00%	-
Ông Trần Đức Minh	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Bà Nguyễn Thị Ánh	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Ông Nguyễn Đức Thuận	346.500	9,90%	3.465.000.000	-	(3.465.000.000)	-	0,00%	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Phạm Thị Nguyệt	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Ông Phạm Đăng Trường	-	-	-	16.950.000.000	-	1.695.000	5,00%	16.950.000.000
Ông Phạm Văn Duy	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Ông Nguyễn Đức Cường	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Ông Đỗ Trọng Phú	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Nguyễn Thị Tiệp	-	-	-	14.000.000.000	-	1.400.000	4,13%	14.000.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Cường	-	-	-	16.950.000.000	-	1.695.000	5,00%	16.950.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hà	-	-	-	16.867.000.000	-	1.686.700	4,98%	16.867.000.000
Bà Phùng Thị Khánh Hằng	-	-	-	14.000.000.000	-	1.400.000	4,13%	14.000.000.000
Ông Nguyễn Trường Giang	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Trần Ngọc Ngân	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên cổ đông	01/01/2018			Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	31/12/2018		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần			Số cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần
Bà Đào Thị Bích	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Nguyễn Thị Tuyết	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Hoàng Phương Hằng	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Ông Luyện Quang Thắng	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Phạm Thị Dung	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Ông Vũ Hồng Thắng	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Nguyễn Thúy Hà	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Bà Phạm Thị Ánh	-	-	-	16.882.200.000	-	1.688.220	4,98%	16.882.200.000
Cộng	3.500.000	100,00%	35.000.000.000	332.000.000.000	(28.000.000.000)	33.900.000	100,00%	339.000.000.000

Tình hình biến động vốn góp của chủ sở hữu trong năm như sau:

- Vào ngày 6 tháng 6 năm 2018, các cổ đông ông Trần Đức Chiến, ông Đỗ Trung Sơn, ông Nguyễn Hải Minh, Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Hasco Capital, Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Hasco, bà Nguyễn Thị Thu Hòa, ông Trần Đức Minh, bà Nguyễn Thị Ánh và ông Nguyễn Đức Thuận đã thoái vốn toàn bộ tại Công ty. Tổng số cổ phần mà các cổ đông thoái là 2.800.000 cổ phần, chiếm 80% vốn điều lệ của Công ty. Công ty đã có Báo cáo danh sách chuyển nhượng cổ đông gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Báo cáo số 2202018/CV-VGS ngày 8 tháng 6 năm 2018.
- Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VND lên 339.000.000.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán), số lượng cổ phiếu tăng thêm là 30.400.000 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ bất thường lần 2 năm 2018 số 210918/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2018 ngày 21 tháng 9 năm 2018. Công ty đã có Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược vào ngày 21 tháng 12 năm 2018 với tổng tiền thu từ đợt chào bán cổ phiếu là 304.000.000.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.900.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>33.900.000</i>	<i>3.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.900.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>33.900.000</i>	<i>3.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

15. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(5.059.036.563)	(11.768.566.735)
Lãi đã thực hiện trong năm	7.623.755.792	6.709.530.172
Lãi chưa thực hiện trong năm	-	-
Lãi/(Lỗ) lũy kế cuối năm	<u>2.564.719.229</u>	<u>(5.059.036.563)</u>

16. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.185.303.600.000	115.014.612.220
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	15.501.330.000	4.890.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	668.181.760.000	748.887.174.400
Tài sản tài chính chờ thanh toán	21.888.500.000	310.175.000
Cộng	<u>1.890.875.190.000</u>	<u>869.101.961.620</u>

b) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	26.075.360.000	-
Cộng	<u>26.075.360.000</u>	<u>-</u>

c) Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	58.837.745.950	3.672.708.443
Cộng	<u>58.837.745.950</u>	<u>3.672.708.443</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	58.745.139.440	3.501.720.776
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<u>92.606.510</u>	<u>170.987.667</u>
Cộng	<u>58.837.745.950</u>	<u>3.672.708.443</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
1. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	119.173.153	-
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay	<u>96.104.205</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>215.277.358</u>	<u>-</u>
2. Doanh thu ngoài thu nhập tài sản tài chính		
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	18.142.686.102	23.084.807.807
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.082.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	936.138.684	760.950.493
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	<u>560.454.545</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>19.639.279.331</u>	<u>25.927.758.300</u>
3. Chi phí hoạt động		
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(951.450.466)	223.111.074
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.994.762.491	11.758.773.547
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	893.942.272	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	382.937.459	-
Chi phí các dịch vụ khác	<u>101.411.546</u>	<u>375.941.808</u>
Cộng	<u>4.421.603.302</u>	<u>12.357.826.429</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi TGNH không kỳ hạn	<u>212.082.733</u>	<u>57.057.730</u>
Cộng	<u>212.082.733</u>	<u>57.057.730</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.176.746.073	2.157.790.786
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.517.787.332	1.602.806.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	460.255.217	851.593.817
Thuế, phí và lệ phí	103.854.543	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	996.126.030	1.101.683.950
Chi phí khác	23.469.283	406.124.075
Cộng	<u>7.278.238.478</u>	<u>6.122.998.794</u>

6. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	1.422.910.079	3.074.564
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	54.082.122	-
Khuyến mãi mua hàng	997.800	3.058.000
Xử lý công nợ	1.358.102.885	16.564
Thu nhập khác	9.727.272	-
Chi phí khác	236.591.125	314.048.165
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	145.092.699	-
Điều chỉnh công nợ	10.743.310	125.306.661
Thuế TNCN cổ đông chuyển nhượng cổ phiếu	-	7.728.000
Phạt chậm nộp	21.664.207	181.013.504
Chi phí khác	59.090.909	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>1.186.318.954</u>	<u>(310.973.601)</u>

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.553.116.596	7.193.017.206
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	93.687.426	314.048.165
Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế	93.687.426	314.048.165
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Chuyển lỗ	-	(5.089.630.203)
Thu nhập chịu thuế	<u>9.646.804.022</u>	<u>2.417.435.168</u>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.929.360.804</u>	<u>483.487.034</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.623.755.792	6.709.530.172
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.623.755.792	6.709.530.172
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.332.877	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.760	1.917

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.623.755.792	6.709.530.172
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	7.604.547.371	6.709.530.172
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.332.877	3.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	4.332.877	3.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.760	1.917

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng làm việc và văn phòng giao dịch theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trong vòng 1 năm	5.681.469.667	835.900.360
Từ năm thứ 2 tới năm thứ 5	13.412.010.236	4.458.135.251
Sau 5 năm	4.273.257.941	5.294.035.610
Cộng	<u>23.366.737.843</u>	<u>10.588.071.221</u>

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Giao dịch chuyển nhượng cổ phần

Trong năm, các cổ đông đã thực hiện việc góp vốn để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và thực hiện chuyển nhượng cổ phần trong Công ty, xem chi tiết tại Thuyết minh số V.14.

Giao dịch khác và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Ông Trần Phú Mỹ
Ông Đỗ Trung Sơn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hasco
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Hasco Capital

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT tiền nhiệm
Tổng Giám đốc tiền nhiệm
Công ty liên quan trước đây
Cổ đông trước đây

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Mượn tiền		
Ông Trần Phú Mỹ	-	100.000.000
Ông Đỗ Trung Sơn	200.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hasco	-	246.984.900

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Ứng trước tiền dịch vụ		
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Hasco Capital	-	5.000.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Tiền lương	2.124.516.857	426.600.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền, các khoản phải thu và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	288.515.953.043	6.337.763.131
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.400.000.000	-
Các khoản cho vay	23.622.002.973	-
Các khoản phải thu	421.112.591	23.231.430.196
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.351.278.554	247.795.000
Cộng	<u>319.310.347.161</u>	<u>29.816.988.327</u>
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	4.689.160.000
Phải trả người bán	9.308.971	195.603.275
Chi phí phải trả	875.096.549	1.370.962.398
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.469.763	6.148.319.883
Cộng	<u>893.875.283</u>	<u>12.404.045.556</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến biến động của thị trường.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay).

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Các khoản ứng trước cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này điều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền	288.515.953.043	-	-	288.515.953.043
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.400.000.000	-	-	5.400.000.000
Các khoản cho vay	23.622.002.973	-	-	23.622.002.973
Các khoản phải thu	421.112.591	-	-	421.112.591

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.105.483.554	245.795.000	1.351.278.554
Cộng	317.959.068.607	1.105.483.554	245.795.000	319.310.347.161
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	9.308.971	-	-	9.308.971
Chi phí phải trả	875.096.549	-	-	875.096.549
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.469.763	-	-	9.469.763
Cộng	893.875.283	-	-	893.875.283
Chênh lệch thanh khoản thuần	317.062.443.324	1.105.483.554	245.795.000	318.413.721.878
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền	6.337.763.131	-	-	6.337.763.131
Các khoản phải thu	23.231.430.196	-	-	23.231.430.196
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	2.000.000	245.795.000	247.795.000
Cộng	29.569.193.327	2.000.000	245.795.000	29.816.988.327
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	4.689.160.000	-	-	4.689.160.000
Phải trả người bán	195.603.275	-	-	195.603.275
Chi phí phải trả	1.370.962.398	-	-	1.370.962.398
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.148.319.883	-	-	6.148.319.883
Cộng	12.404.045.556	-	-	12.404.045.556
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.165.147.771	2.000.000	245.795.000	17.412.942.771

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, cụ thể như sau:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2017		31/12/2017
	(Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	(Được trình bày lại)
Doanh thu hoạt động			
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	-	760.950.493	760.950.493
Thu nhập hoạt động khác	760.950.493	(760.950.493)	-
Chi phí hoạt động			
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay		223.111.074	223.111.074
Chi phí các dịch vụ khác	599.052.882	(223.111.074)	375.941.808

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lãi từ hoạt động đầu tư	-	(57.057.730)	(57.057.730)
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	57.057.730	57.057.730
Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	73.615.909.150	8.579.566	73.624.488.716
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	-	(8.579.566)	(8.579.566)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh một số sự kiện như sau

- Ngày 7 tháng 01 năm 2019, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông và ban hành Nghị quyết số 01/2019/VGS/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án đổi tên “Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers”; ủy quyền cho Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật ký ban hành Điều lệ mới với các khoản thay đổi; thông qua phương án đầu tư và hạn mức đầu tư mua trái phiếu của Công ty Cổ phần tập đoàn An Phát Holdings là tối đa 70% vốn chủ sở hữu và mua chứng quyền của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát với hạn mức đầu tư tối đa là 7% vốn chủ sở hữu;
- Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi tên “Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers”; chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 15 - Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội đến Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: “tự doanh chứng khoán” và nâng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VND lên 339.000.000.000 VND;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN STANLEY BROTHERS

Tầng 9 Tòa nhà TNR, Số 54A, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Ngày 6 tháng 3 năm 2019, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép số 1457/UBCK-QLKD, chuẩn y việc chấp thuận Công ty được phép “giao dịch ký quỹ” kể từ ngày 6 tháng 3 năm 2019.


Ngoài các sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019




PHẠM ĐĂNG TRƯỜNG
Tổng Giám đốc


ĐÀO THỊ THANH
Kế toán trưởng


BÙI THỊ VIỆT HÀ
Người lập biểu

Số: 112 /2019/CV-SBSI

(V/v Công văn giải trình biến động lợi
nhuận năm 2018 so với năm 2017)

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban và Quý Sở!

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 & năm 2017.

Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers (SBSI) giải trình biến động lợi nhuận năm 2018 như sau:

Lợi nhuận trước thuế năm 2018: 9.553.116.596 đồng

Lợi nhuận trước thuế năm 2017: 7.193.017.206 đồng

Nguyên nhân dẫn tới việc lợi nhuận năm 2018 có sự chênh lệch tăng so với năm 2017 là do doanh thu (chủ yếu doanh thu môi giới) của năm 2018 giảm so với năm 2017 đồng thời tổng chi phí của năm 2018 (chủ yếu chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán) giảm nhiều hơn so với tỷ lệ giảm doanh thu, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Tỷ lệ tăng/giảm
Doanh thu	19.854.556.689	25.927.758.300	-23%
Chi phí	11.699.841.780	18.480.825.223	- 37 %

Bằng công văn này Công ty Cổ phần chứng khoán Stanley Brothers xin giải trình nguyên nhân dẫn tới sự biến động lợi nhuận để báo cáo Quý Cơ quan và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu CBTT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Đăng Trường